

V/v thông báo kế hoạch tổ chức các khóa
đào tạo năm 2026

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Kính gửi:

- Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố;
- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố;
- Phòng quản lý TC ĐL CL các tỉnh, thành phố;
- Trung tâm kỹ thuật, Trung tâm phân tích; Trung tâm Ứng dụng thuộc ngành tiêu chuẩn đo lường chất lượng;
- Các tổ chức, Doanh nghiệp

Viện Đo lường Việt Nam xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác và tin tưởng của Quý Cơ quan/Tổ chức/Doanh nghiệp đối với hoạt động đào tạo của chúng tôi trong thời gian qua.

Để tiếp tục đáp ứng nhu cầu đào tạo của các cơ quan/ tổ chức/ doanh nghiệp, Viện Đo lường Việt Nam xin thông báo Kế hoạch tổ chức các khóa đào tạo kiểm định viên, hiệu chuẩn viên, kỹ thuật hiệu chuẩn phương tiện đo, quản lý đo lường trong doanh nghiệp, quản lý phòng thử nghiệm/hiệu chuẩn theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017.

Ngoài ra, trong năm 2026, Viện Đo lường Việt Nam sẽ tổ chức các khóa đào tạo **kiến thức về đo lường học & quản lý đo lường; nghiệp vụ kiểm định phương tiện đo; đảm bảo đo lường trong doanh nghiệp...** theo nhu cầu đặt hàng của các cơ quan/ tổ chức/ doanh nghiệp.

Quý cơ quan/ tổ chức/ doanh nghiệp có nhu cầu tham dự các khóa đào tạo trên, vui lòng liên hệ trao đổi trực tiếp hoặc điền thông tin vào “Phiếu đăng ký tham dự khóa đào tạo” kèm theo và gửi về địa chỉ:

Chị Nguyễn Thị Phúc - 090 956 9888

Chị Nguyễn Mai Hiền - 034 751 8206

Email: tuvandaotao@vmi.gov.vn

Trung tâm Ứng dụng & PT KHCN Đo lường

Địa chỉ: nhà D, số 8 đường Hoàng Quốc Việt, P.Nghĩa Đô, Hà Nội.

Viện Đo lường Việt Nam trân trọng thông báo.

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM DỰ KHÓA ĐÀO TẠO
(Ghi thông tin đầy đủ để thuận tiện cho việc cấp hóa đơn)

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Tel:Fax:

Mã số thuế:

Người liên hệ:

Điện thoại/email:

Số lượng học viên tham dự:

Địa điểm tham dự: Hà Nội ☐ TP. Hồ Chí Minh ☐ Khác ☐

Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Khóa học tham gia	Thông tin thêm (email/di động)

Yêu cầu khác:

.....

....., ngày tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

TT	Tên khóa đào tạo	Thời lượng đào tạo (ngày)	Thời gian đào tạo dự kiến	Phí tham dự (đồng/1 học viên)	
				Tại Hà Nội	Tỉnh, Thành phố khác
I. Các khóa đào tạo lĩnh vực độ dài					
1.	Kiểm định viên Thước cuộn (ĐLVN 36:2009)	05	- Dự kiến tổ chức theo vào tháng 2, tháng 3, tháng 4, tháng 11 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	4.500.000	5.000.000
2.	Kiểm định viên Phương tiện đo thủy chuẩn (ĐLVN 334:2025)	05		4.500.000	5.000.000
3.	Kiểm định viên Toàn đạc điện tử (ĐLVN 335:2025)	05		4.500.000	5.000.000
4.	Kỹ thuật hiệu chuẩn một số phương tiện đo độ dài thông dụng: panme, thước cặp, đồng hồ so, đồng hồ rà, thước vạch, thước cuộn, thước đo cao, căn lá	05		4.500.000	5.000.000
5.	Kỹ thuật hiệu chuẩn máy đo độ dày	03÷05		4.500.000	5.000.000
II. Các khóa đào tạo lĩnh vực khối lượng					
6.	Kiểm định viên Cân phân tích, Cân kỹ thuật (ĐLVN 16:2021)	05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 2, tháng 3, tháng 5, tháng 7, tháng 11 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	4.500.000	5.000.000
7.	Kiểm định viên Cân thông dụng (Cân bàn; Cân đĩa; Cân đồng hồ lò xo; Cân treo) (ĐLVN 14,15,30,02:2009)	05÷07		4.500.000	5.000.000
8.	Kiểm định viên Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới (ĐLVN 48:2019	05		7.500.000	8.500.000
9.	Kiểm định viên Quả cân cấp chính xác E ₂ , F ₁ (ĐLVN 50:2009)	05		5.000.000	6.000.000
10.	Kiểm định viên Quả cân cấp chính xác F ₂ , M ₁ , và M ₂ (ĐLVN 47:2009)	05		5.000.000	6.000.000

TT	Tên khóa đào tạo	Thời lượng đào tạo (ngày)	Thời gian đào tạo dự kiến	Phí tham dự (đồng/1 học viên)	
				Tại Hà Nội	Tỉnh, Thành phố khác
11.	Kiểm định viên Cân treo móc cầu (ĐLVN 259:2015)	05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 2, tháng 3, tháng 5, tháng 7, tháng 11 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	4.500.000	5.000.000
12.	Kiểm định viên Cân băng tải (ĐLVN 03:2009)	05		4.500.000	5.000.000
13.	Kiểm định viên Cân tàu hỏa tĩnh (ĐLVN 32:2009)	05		4.500.000	5.000.000
14.	Kiểm định viên Cân tàu hỏa động (ĐLVN 33:2019)	05		4.500.000	5.000.000
15.	Kiểm định viên Cân ô tô (ĐLVN 13:2019)	05		4.500.000	5.000.000
16.	Kỹ thuật hiệu chuẩn Cân không tự động (Cân cấp III; Cân cấp III)	03÷05		4.500.000	5.000.000
17.	Kỹ thuật hiệu chuẩn Cân phân tích, Cân kỹ thuật	03÷05		4.500.000	5.000.000
18.	Kỹ thuật hiệu chuẩn Cân so sánh	03÷05		4.500.000	5.000.000
19.	Hiệu chuẩn chuẩn quả cân cấp chính xác E1, E2 (ĐLVN 285:2015)	03÷05		4.500.000	5.000.000
20.	Hiệu chuẩn chuẩn quả cân cấp chính xác F1, F2, M1	03÷05		4.500.000	5.000.000
III. Các khóa đào tạo lĩnh vực Lực – Độ cứng					
21.	Kiểm định viên Phương tiện thử độ bền kéo nén (ĐLVN 336:2020)	05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 4, tháng 8, tháng 11 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	4.500.000	5.000.000
22.	Kiểm định viên Phương tiện đo mô men lực (ĐLVN 337:2020)	05		4.500.000	5.000.000

TT	Tên khóa đào tạo	Thời lượng đào tạo (ngày)	Thời gian đào tạo dự kiến	Phí tham dự (đồng/1 học viên)	
				Tại Hà Nội	Tỉnh, Thành phố khác
23.	Kiểm định viên Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay (ĐLVN 122:2020)	05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 4, tháng 8, tháng 11 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	4.500.000	5.000.000
24.	Kỹ thuật hiệu chuẩn phương tiện đo lực	04		4.500.000	5.000.000
25.	Kỹ thuật hiệu chuẩn dụng cụ đo mô men lực (ĐLVN 110:2002)	04		4.500.000	5.000.000
26.	Hiệu chuẩn lực kế chuẩn (ĐLVN 339:2020)	04			
27.	Hiệu chuẩn thiết bị hiệu chuẩn mô men lực (ĐLVN 341:2020)	04		4.500.000	5.000.000
28.	Kỹ thuật hiệu chuẩn phương tiện thử độ bền kéo nén	04		4.500.000	5.000.000

IV. Các khóa đào tạo lĩnh vực Áp suất

29.	Kiểm định viên Áp kế lò xo (ĐLVN 08:2011)	05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 2, tháng 6, tháng 12 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	4.500.000	5.000.000
30.	Kiểm định viên Áp kế điện tử (ĐLVN 263:2014)	05		4.500.000	5.000.000
31.	Kiểm định viên Huyết áp kế (ĐLVN 09:2011)	05		4.500.000	5.000.000
32.	Kiểm định viên Huyết áp kế điện tử (ĐLVN 343:2020)	05		4.500.000	5.000.000
33.	Kiểm định viên Baromet (ĐLVN 342:2020)	05		4.500.000	5.000.000

TT	Tên khóa đào tạo	Thời lượng đào tạo (ngày)	Thời gian đào tạo dự kiến	Phí tham dự (đồng/1 học viên)	
				Tại Hà Nội	Tỉnh, Thành phố khác
34.	Kỹ thuật hiệu chuẩn áp kế, chân không kế kiểu lò xo và hiện số	03÷05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 2, tháng 6, tháng 12 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	4.500.000	5.000.000
35.	Kỹ thuật hiệu chuẩn thiết bị chuyển đổi áp suất	03÷05		4.500.000	5.000.000
36.	Kỹ thuật hiệu chuẩn thiết bị đặt mức áp suất	03÷05		4.500.000	5.000.000

V. Các khóa đào tạo lĩnh vực Dung tích – lưu lượng

37.	Kiểm định viên Cột đo xăng dầu (ĐLVN 10: 2013)	05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 2, tháng 3, tháng 6, tháng 10, tháng 12 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	5.000.000	6.000.000
38.	Kiểm định viên Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí (ĐLVN 17:2017)	05		5.000.000	6.000.000
39.	Kiểm định viên Đồng hồ đo nước lạnh có cơ cấu điện tử (ĐLVN 17:2017)	05		5.000.000	6.000.000
40.	Kiểm định viên PTĐ dung tích thông dụng (Ca đồng, Bình đồng, Thùng đồng (ĐLVN 12:2011)	05		5.000.000	6.000.000
41.	Kiểm định viên Bể đồng cố định (Bể trụ đứng ĐLVN 28:1998)	05		5.000.000	6.000.000
42.	Kiểm định viên Bể đồng cố định (Bể trụ nằm ngang ĐLVN 29:2008)	05		5.000.000	6.000.000
43.	Kiểm định viên Xi téc Ô tô (ĐLVN 05:2017)	05		5.000.000	6.000.000

TT	Tên khóa đào tạo	Thời lượng đào tạo (ngày)	Thời gian đào tạo dự kiến	Phí tham dự (đồng/1 học viên)	
				Tại Hà Nội	Tỉnh, Thành phố khác
44.	Kiểm định viên Xi téc Đường sắt (ĐLVN 58:1999)	05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 2, tháng 3, tháng 6, tháng 10, tháng 12 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	5.000.000	6.000.000
45.	Kiểm định viên Đồng hồ khí dân dụng (ĐLVN 263:2011)	05		5.000.000	6.000.000
46.	Kiểm định viên Pipet (ĐLVN 346:2011)	05		5.000.000	6.000.000
VI. Các khóa đào tạo lĩnh vực Hóa lý – Mẫu chuẩn					
47.	Kiểm định viên Tỷ trọng kế (ĐLVN 70:2017)	05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 4, tháng 7, tháng 10 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	6.000.000	7.000.000
48.	Kiểm định viên Phương tiện đo hàm lượng cồn trong hơi thở (ĐLVN 107:2022)	05		6.000.000	7.000.000
49.	Kiểm định viên Phương tiện đo khí thải xe cơ giới (ĐLVN 214:2017)	05		6.000.000	7.000.000
50.	Kiểm định viên Phương tiện đo nồng độ SO ₂ , CO ₂ , CO, NO _x trong không khí (ĐLVN 265:2016)	05		6.000.000	7.000.000
51.	Kiểm định viên Phương tiện đo Ph (ĐLVN 31:2017)	05		5.000.000	6.000.000
52.	Kiểm định viên Phương tiện đo nồng độ oxy hòa tan (ĐLVN 276:2017)	05		5.000.000	6.000.000
53.	Kiểm định viên độ dẫn điện (ĐLVN 274:2014)	05		5.000.000	6.000.000
54.	Kiểm định viên Độ đục của nước (ĐLVN 275:2014)	05		5.000.000	6.000.000
55.	Kiểm định viên Phương tiện đo nồng độ khí của trạm quan trắc khí thải (ĐLVN 380:2021)	05		6.000.000	7.000.000

TT	Tên khóa đào tạo	Thời lượng đào tạo (ngày)	Thời gian đào tạo dự kiến	Phí tham dự (đồng/1 học viên)	
				Tại Hà Nội	Tỉnh, Thành phố khác
56.	Kiểm định viên Phương tiện đo pH của trạm quan trắc môi trường nước (ĐLVN 381:2021)	05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 4, tháng 7, tháng 10 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	5.000.000	6.000.000
57.	Kiểm định viên phương tiện đo tổng chất rắn hòa tan trong nước của trạm quan trắc môi trường nước (ĐLVN 382:2021)			5.000.000	6.000.000
58.	Kiểm định viên Phương tiện đo độ dẫn điện của trạm quan trắc môi trường nước (ĐLVN 383:2021)	05		5.000.000	6.000.000
59.	Kiểm định viên Phương tiện đo độ đục của trạm quan trắc môi trường nước (ĐLVN 384:2021)	05		5.000.000	6.000.000
60.	Kiểm định viên Phương tiện đo nồng độ oxy hòa tan của trạm quan trắc môi trường nước (ĐLVN 385:2021)	05		5.000.000	6.000.000
61.	Kiểm định viên Phương tiện đo hàm lượng AMONI trong nước của trạm quan trắc môi trường nước (ĐLVN 386:2021)	05		5.000.000	6.000.000
62.	Kiểm định viên Phương tiện đo nhu cầu oxy hóa học của trạm quan trắc môi trường nước (ĐLVN 387:2021)	05		5.000.000	6.000.000
63.	Kiểm định viên Phương tiện đo Tổng chất rắn lơ lửng trong nước của trạm quan trắc môi trường nước (ĐLVN 388:2021)	05		5.000.000	6.000.000
64.	Kiểm định viên Phương tiện đo nồng độ khí của trạm quan trắc chất lượng không khí xung quanh (ĐLVN 389: 2021)	05		6.000.000	7.000.000

TT	Tên khóa đào tạo	Thời lượng đào tạo (ngày)	Thời gian đào tạo dự kiến	Phí tham dự (đồng/1 học viên)	
				Tại Hà Nội	Tỉnh, Thành phố khác
VII. Các khóa đào tạo lĩnh vực Điện					
65.	Kiểm định viên Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha kiểu cảm ứng (ĐLVN 07:2019)	05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 3, tháng 4, tháng 6, tháng 9, tháng 11, tháng 12 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	4.500.000	5.000.000
66.	Kiểm định viên Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha kiểu điện tử (ĐLVN 39:2019)	05		4.500.000	5.000.000
67.	Kiểm định viên Biến dòng đo lường hạ áp và trung áp kiểu cảm ứng (ĐLVN 18: 2019)	05		4.500.000	5.000.000
68.	Kiểm định viên Biến áp đo lường hạ áp và trung áp kiểu cảm ứng (ĐLVN 24:2019)	05		4.500.000	5.000.000
69.	Kiểm định viên Phương tiện đo điện trở cách điện (ĐLVN 142:2019)	05		4.500.000	5.000.000
70.	Kiểm định viên Phương tiện đo điện trở tiếp đất (ĐLVN 143:2019)	05		4.500.000	5.000.000
71.	Kiểm định viên Phương tiện đo điện trở kíp mìn (ĐLVN 330:2019)	05		4.500.000	5.000.000
72.	Phương pháp đo điện trở cách điện, điện trở tiếp địa và phương pháp thử nghiệm độ bền cách điện	03		4.500.000	5.000.000
73.	Kỹ thuật hiệu chuẩn Vôn mét, Ampe mét, Ampe kìm, máy đo vạn năng đến 6 ½ digits	05		6.000.000	6.500000
74.	Kỹ thuật hiệu chuẩn hiệu chuẩn Nguồn chuẩn đa năng đến 5 digits	05		4.500.000	5.000.000

TT	Tên khóa đào tạo	Thời lượng đào tạo (ngày)	Thời gian đào tạo dự kiến	Phí tham dự (đồng/1 học viên)	
				Tại Hà Nội	Tỉnh, Thành phố khác
75.	Kỹ thuật hiệu chuẩn Máy đo vạn năng chính xác	05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 3, tháng 4, tháng 6, tháng 9, tháng 11, tháng 12 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	4.500.000	5.000.000
76.	Hiệu chuẩn Nguồn chuẩn đa năng chính xác	05		4.500.000	5.000.000
77.	Hiệu chuẩn Công tơ điện xoay chiều	05		4.500.000	5.000.000
78.	Hiệu chuẩn Thiết bị đo công suất	05		4.500.000	5.000.000
79.	Hiệu chuẩn Nguồn/Tải công suất	05		4.500.000	5.000.000
80.	Hiệu chuẩn Thiết bị đo LCR	05		4.500.000	5.000.000
81.	Hiệu chuẩn Thiết bị đo điện trở một chiều	05		4.500.000	5.000.000
82.	Hiệu chuẩn Điện trở	05		4.500.000	5.000.000
83.	Kỹ thuật hiệu chuẩn phương tiện đo điện trở	05		4.500.000	5.000.000
84.	Hiệu chuẩn Điện cảm/ Hộp điện cảm	05		4.500.000	5.000.000
85.	Hiệu chuẩn Điện dung/ Hộp điện dung	05		4.500.000	5.000.000
86.	Hiệu chuẩn Thiết bị đo/tạo điện áp cao > 1000V	05		4.500.000	5.000.000
87.	Hiệu chuẩn Thiết bị đo/tạo dòng điện $\geq 1000A$	05		4.500.000	5.000.000
88.	Hiệu chuẩn Biến áp đo lường	05		4.500.000	5.000.000
89.	Hiệu chuẩn Biến dòng đo lường	05		4.500.000	5.000.000

TT	Tên khóa đào tạo	Thời lượng đào tạo (ngày)	Thời gian đào tạo dự kiến	Phí tham dự (đồng/1 học viên)	
				Tại Hà Nội	Tỉnh, Thành phố khác
VIII. Các khóa đào tạo lĩnh vực Điện từ trường					
90.	Kiểm định viên Phương tiện đo điện tim (ĐLVN 43:2017)	05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 4, tháng 9, tháng 12 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	4.500.000	5.000.000
91.	Kiểm định viên Phương tiện đo điện não (ĐLVN 44:2017)	05		4.500.000	5.000.000
92.	Kiểm định viên Phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông (ĐLVN 157:2023)	05		4.500.000	5.000.000
93.	Kiểm định viên Phương tiện đo cường độ điện trường (ĐLVN 356:2021)	05		4.500.000	5.000.000
94.	Kỹ thuật hiệu chuẩn các phương tiện đo thuộc lĩnh vực đo lường Điện từ trường	03÷05		4.500.000	5.000.000
IX. Các khóa đào tạo lĩnh vực Thời gian tần số và Âm thanh Rung động					
95.	Kiểm định viên Phương tiện đo độ ồn (ĐLVN 89:2010)	05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 4, tháng 9, tháng 12 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	4.500.000	5.000.000
96.	Kiểm định viên Phương tiện đo độ rung động (ĐLVN 264:2014)	05		4.500.000	5.000.000
97.	Hiệu chuẩn Đồng hồ bấm giây (ĐLVN 316: 2016)	03÷05		4.500.000	5.000.000
98.	Hiệu chuẩn Phương tiện đo độ ồn (ĐLVN 314:2016)	03÷05		4.500.000	5.000.000
99.	Hiệu chuẩn thiết bị tạo tốc độ vòng quay (ĐLVN323:2016)	03÷05		4.500.000	5.000.000
100.	Hiệu chuẩn máy phát song (ĐLVN 357:2021)	03÷05		4.500.000	5.000.000

TT	Tên khóa đào tạo	Thời lượng đào tạo (ngày)	Thời gian đào tạo dự kiến	Phí tham dự (đồng/1 học viên)	
				Tại Hà Nội	Tỉnh, Thành phố khác
101.	Hiệu chuẩn máy đếm tần số điện tử (ĐLVN 317: 2016)	03÷05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 4, tháng 9, tháng 12	4.500.000	5.000.000
102.	Hiệu chuẩn cảm biến gia tốc chuẩn (ĐLVN 268:2014)	03÷05	- Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	4.500.000	5.000.000

X. Các khóa đào tạo lĩnh vực Nhiệt

103.	Kiểm định viên Nhiệt kế thủy tinh-chất lỏng (ĐLVN 20:2017)	05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 2, tháng 4, tháng 6, tháng 9, tháng 11 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	4.500.000	5.000.000
104.	Kiểm định viên Nhiệt kế thủy tinh-rượu có cơ cấu cực tiểu (ĐLVN 158:2017)	05		4.500.000	5.000.000
105.	Kiểm định viên Nhiệt kế thủy tinh-thủy ngân có cơ cấu cực đại (ĐLVN 21:2017)	05		4.500.000	5.000.000
106.	Kiểm định viên Nhiệt kế y học điện tử bức xạ hồng ngoại đo tai (ĐLVN 213:2009)	05		4.500.000	5.000.000
107.	Kiểm định viên Nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại (ĐLVN 23:2017)	05		4.500.000	5.000.000
108.	Kiểm định viên Nhiệt kế y học thủy tinh-thủy ngân có cơ cấu cực đại (ĐLVN 21:2017)	05		4.500.000	5.000.000
109.	Kiểm định viên Phương tiện đo nhiệt độ/độ ẩm không khí (ĐLVN 359:2022)	05		4.500.000	5.000.000
110.	Hiệu chuẩn nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (ĐLVN 20: 2017)	03÷05		4.500.000	5.000.000
111.	Hiệu chuẩn nhiệt kế chỉ thị hiện số và tương tự (ĐLVN 138:2004)	03÷05		4.500.000	5.000.000

TT	Tên khóa đào tạo	Thời lượng đào tạo (ngày)	Thời gian đào tạo dự kiến	Phí tham dự (đồng/1 học viên)	
				Tại Hà Nội	Tỉnh, Thành phố khác
112.	Hiệu chuẩn thiết bị chỉ thị hiện số và tương tự (ĐLVN 138:2004)	03÷05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 2, tháng 4, tháng 6, tháng 9, tháng 11 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	4.500.000	5.000.000
113.	Hiệu chuẩn Tủ nhiệt, Lò nung (VMI - CP 17: 2013)	03÷05		4.500.000	5.000.000
114.	Hiệu chuẩn phương tiện đo nhiệt độ, độ ẩm không khí	03÷05		4.500.000	5.000.000
115.	Hiệu chuẩn nhiệt kế bức xạ	03÷05		4.500.000	5.000.000
XI. Các khóa đào tạo lĩnh vực Quang học					
116.	Kiểm định viên Phương tiện đo độ rọi (ĐLVN 257:2014)	05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 2, tháng 4, tháng 6, tháng 9, tháng 11 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	4.500.000	5.000.000
117.	Kiểm định viên Phương tiện đo tiêu cự kính mắt (ĐLVN 258:2014)	05		4.500.000	5.000.000
118.	Kiểm định viên Phương tiện đo độ khúc xạ mắt (ĐLVN 363:2020)	05		4.500.000	5.000.000
119.	Kiểm định viên Thấu kính đo thị lực (ĐLVN 364:2020)	05		4.500.000	5.000.000
120.	Kiểm định viên Phương tiện đo độ chói (ĐLVN 370:2020)	05		4.500.000	5.000.000
121.	Kiểm định viên Phương tiện đo năng lượng tử ngoại (ĐLVN 371:2020)	05		4.500.000	5.000.000
122.	Kiểm định viên Phương tiện đo quang phổ tử ngoại khả kiến (ĐLVN 372:2020)	05		4.500.000	5.000.000
123.	Kiểm định viên Phương tiện đo công suất laser (ĐLVN 373:2020)	05		4.500.000	5.000.000
124.	Hiệu chuẩn Phương tiện đo độ rọi	03÷05		4.500.000	5.000.000
125.	Hiệu chuẩn Phương tiện đo tiêu cự kính mắt	03÷05		4.500.000	5.000.000

TT	Tên khóa đào tạo	Thời lượng đào tạo (ngày)	Thời gian đào tạo dự kiến	Phí tham dự (đồng/1 học viên)	
				Tại Hà Nội	Tỉnh, Thành phố khác
126.	Hiệu chuẩn Phương tiện đo độ khúc xạ mắt	03÷05	- Dự kiến tổ chức vào tháng 2, tháng 4, tháng 6, tháng 9, tháng 11 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	4.500.000	5.000.000
127.	Hiệu chuẩn Thấu kính đo thị lực	03÷05		4.500.000	5.000.000
128.	Hiệu chuẩn Phương tiện đo độ chói	03÷05		4.500.000	5.000.000
129.	Hiệu chuẩn Phương tiện đo quang phổ tử ngoại khả kiến	03÷05		4.500.000	5.000.000
XII. Các khóa đào tạo về Hệ thống quản lý PTN					
130.	Đánh giá độ không đảm bảo đo trong thử nghiệm/hiệu chuẩn	1÷2	- Dự kiến tổ chức vào tháng 2, tháng 3, tháng 6, tháng 11 - Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo <i>*Hình thức đào tạo trực tiếp/trực tuyến</i>	1.000.000	1.500.000
131.	Nhận thức chung hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017	1÷2		1.000.000	1.500.000
132.	Xây dựng, áp dụng và cải tiến HTQL phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017	1÷2		1.000.000	1.500.000
133.	Đánh giá nội bộ hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017	1÷2		1.000.000	1.500.000
134.	Lựa chọn, kiểm tra xác nhận, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử nghiệm/hiệu chuẩn	1÷2		1.000.000	1.500.000
X.III. Các khóa đào tạo về Nghiệp vụ đo lường					
135.	Nghiệp vụ về kiểm định Cột đo xăng dầu	03	- Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	3.000.000đ/hv hoặc hoặc theo Báo giá cụ thể từng đơn vị	

TT	Tên khóa đào tạo	Thời lượng đào tạo (ngày)	Thời gian đào tạo dự kiến	Phí tham dự (đồng/1 học viên)	
				Tại Hà Nội	Tỉnh, Thành phố khác
136.	Nghệ thuật về kiểm định Bể đóng cố định (Bể trụ đứng và Bể trụ nằm ngang)	03	- Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	3.000.000 đ/hv hoặc hoặc theo Báo giá cụ thể từng đơn vị	
137.	Nghệ thuật kiểm định Xi téc Ô tô	03		3.000.000 đ/hv hoặc hoặc theo Báo giá cụ thể từng đơn vị	
138.	Nghệ thuật kiểm định Đồng hồ khí dân dụng	03		3.000.000đ/hv hoặc hoặc theo Báo giá cụ thể từng đơn vị	
139.	Nghệ thuật kiểm định đồng hồ lạnh cơ khí	03		3.000.000 đ/hv hoặc hoặc theo Báo giá cụ thể từng đơn vị	
136.	Nghệ thuật kiểm định PTĐ dung tích thông dụng (Ca đóng, Bình đóng, Thùng đóng)	02		3.000.000đ/hv hoặc hoặc theo Báo giá cụ thể từng đơn vị	
137.	Nghệ thuật kiểm định đo mức xăng dầu tự động	03		3.000.000đ/hv hoặc hoặc theo Báo giá cụ thể từng đơn vị	
138.	Nghệ thuật kiểm định cân ô tô	03		3.000.000đ/hv hoặc hoặc theo Báo giá cụ thể từng đơn vị	
139.	Nghệ thuật kiểm định cân băng tải	03		3.000.000đ/hv hoặc hoặc theo Báo giá cụ thể từng đơn vị	
140.	Hướng dẫn kiểm tra, hiệu chuẩn phương tiện đo dùng trong sản xuất, kinh doanh	1÷2		40.000.000 đồng/khóa hoặc theo Báo giá cụ thể từng đơn vị	
141.	Phương pháp kiểm định, hiệu chuẩn các loại cân thông dụng	1÷2		40.000.000 đồng/khóa hoặc theo Báo giá cụ thể từng đơn vị	
142.	Kiến thức cơ bản về đo lường công nghiệp và kiểm soát đo lường trong sản xuất, kinh doanh	1÷2		40.000.000 đồng/khóa hoặc theo Báo giá cụ thể từng đơn vị	

TT	Tên khóa đào tạo	Thời lượng đào tạo (ngày)	Thời gian đào tạo dự kiến	Phí tham dự (đồng/1 học viên)	
				Tại Hà Nội	Tỉnh, Thành phố khác
143.	Quản lý và sử dụng phương tiện đo tại doanh nghiệp	04	- Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	4.000.000đ hoặc theo Báo giá cụ thể từng đơn vị	
X.IV. CHƯƠNG TRÌNH ĐẢM BẢO ĐO LƯỜNG TẠI DOANH NGHIỆP					
144.	Xây dựng, triển khai Chương trình đảm đo lường tại doanh nghiệp	03	- Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	3.000.000đ/học viên hoặc theo Báo giá cụ thể của khách hàng	
145.	Cán bộ tư vấn, hỗ trợ xây dựng và triển khai thực hiện chương trình Đảm bảo đo lường	05	- Tổ chức khóa ĐT riêng theo yêu cầu cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo	8.000.000đ hoặc theo Báo giá cụ thể của khách hàng	
146.	Kỹ năng quản lý và đảm bảo đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn tại doanh nghiệp	02÷03		4.000.000đ/học viên hoặc Báo giá cụ thể của khách hàng	
	- Các nội dung đào tạo nêu trên có thể được thiết kế độc lập cho các khóa đào tạo tập trung, theo yêu cầu cụ thể của từng đơn vị. Quý đơn vị có thể lựa chọn hình thức đào tạo theo hợp đồng, với nội dung do Viện thiết kế theo yêu cầu. - Tư vấn xây dựng và áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO/IEC 17025:2027 đối với các Phòng KĐ/HC về đo lường (Đơn giá theo phạm vi của từng đơn vị)				

* Phí trên chưa bao gồm thuế GTGT 5%